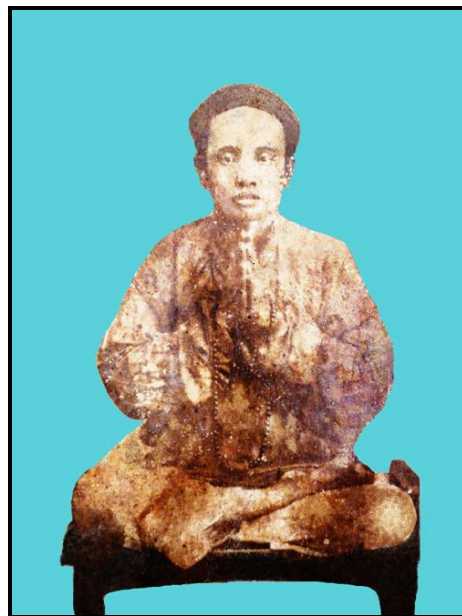


TRUNG GIANG KÝ SỰ – kỳ 6

Hành Vân

Trưa ngày 7 tháng 9 năm 2011, thượng tọa Minh Thuận mất. Tôi đi xuống Tịnh xá Trung Tâm dự lễ tưởng niệm thượng tọa, nhân tiện hôm sau tôi lại quay về Phú Mỹ. Lần này, tôi mang theo vài quyển lịch sử Phật Thích-ca, vài quyển *Tặng Phẩm Dân Đồi* và một quyển *Minh Đăng Quang Pháp Giáo* để làm quà cho những người mới quen ở Phú Mỹ. Trên đường đi, tôi ghé Tân An rửa vài tấm hình ông Bảy Tam mà tôi đã sửa chút ít từ tấm hình cũ kỹ của sư cụ Nhựt Quang giữ, để đem theo tặng cho mọi người. Từ một tấm hình quá cũ mà phục hồi được nhân ảnh, lại làm bằng vài công cụ thô thiển của chương trình Paint trong Office 2003, tôi đã phải mất nhiều thời gian với nó. Chắc tôi phải làm siêng học Photoshop mới được.



Ông Bảy Tam, người chở Tổ sư Minh Đăng Quang và ông Bảy Đức về Việt Nam.
(Đi cặp với chuyến đò của ông Tư Nhu – Phổ Hiền).

Trông hình ông Bảy Tam mà mấy chú đều trầm trồ, bởi vì chưa có ai trong họ từng biết mặt ông Bảy cả. Tôi đem sách gửi tặng cho mọi người rồi hỏi chú Huệ Minh còn chuyện gì kể thêm cho tôi nghe không? Chú kể chuyện ông Tư Cừ (*cha sư Minh Nhân thị giả*) hồi đó đã thắng thằng Tây một kết la-ve nhờ Tổ sư. Hồi đó Tổ sư đi bát liên gót, hai chân bước khít nhau, rất chậm. Ông Tư Cừ lúc đó làm xã trưởng nên hay giao du với bọn Tây ở cái bót gần cầu. Khi họ đang ngồi chơi thì thấy Tổ sư đi ngoài lộ. Một thằng Tây thấy gai mắt nên mới lấy súng ra định bắn cho ngài sợ mà bỏ chạy. Ông Tư can nó, bảo coi chừng lỡ bắn trúng người vô tội. Thằng Tây bảo không sao, nó thiện xạ lắm. Nghe vậy cả đám mới cá nhau, ông Tư bắt cá là ngài sẽ không chạy, còn thằng kia thì không tin. Nó liền đưa súng bắn mấy phát gần sát Tổ sư, vậy mà ngài vẫn đi tỉnh như không!

Khi tôi nhắc đến ông Bảy Đức, định một lát lại ghé lên thăm ông, chú Huệ Minh mới sực nhớ là ông Bảy Đức còn có một em gái ngày xưa cũng đã từng sống bên Miên. Tôi và Minh Hằng đều quan tâm:

- Bà cụ đó ở gần đây à?
- Ở gần bên chợ đó, bà Út Mạn.



Bà Út Mạn

May quá, trải qua mấy cuộc chiến ác liệt mà vẫn còn nhiều ông bà cụ sống thọ như thế, vùng này cũng là một phước địa chớ không đơn giản. Chúng tôi đã đề nghị chú Huệ Minh dẫn đi liền.

Chú Huệ Minh lái xe chạy qua nhà bà Út trước, tôi và Minh Hằng đi bộ qua sau. Khi chúng tôi qua, mọi người trong nhà đã đợi sẵn. Cô Năm chế nước mời chúng tôi uống, trong khi dựng Năm đang đi đón bà Út về. Chúng tôi uống hết ly nước thì cũng vừa lúc bà về tới. Trông bà đã già lắm, tóc cũng đã bạc trắng gần bằng tóc ông Bảy Đức nhưng nước da nâu rần rỏi. Mọi người kéo cái ghế đầu để đối diện tôi cho bà ngồi. Bà thờ một lát rồi kể:

– Năm 14 tuổi, bà đã theo anh Hai và anh Bảy trốn qua Miên ở chỗ sư ông. Cả ba anh em bà đều có hoàn cảnh khó khăn: hai anh thì trốn Pháp bắt lính, còn bà thì trốn Việt Minh bắt đi Thanh niên Tiền phong. Bên Miên, sư ông có hai cơ sở rất lớn: lò vôi ở Sóc Mẹt và sở rẫy ở cách xa lò vôi. Muốn đến sở rẫy phải từ Sóc Mẹt đi đến Chạm-so, rồi đi tiếp đến Chọt-xiêm, và đi thêm năm, bảy cây số nữa thì đến. Thường thì bên nam ở lò vôi, còn bên nữ ở sở rẫy. Bà ở rẫy phụ làm, tối thì cúng kính (*tụng kinh*). Sư Minh Hằng hỏi:

- Cúng kính gì, bà?

Bà đáp là kính Huỳnh Đình (*của đạo Tiên*), 25 bài bà đều thuộc hết, bây giờ già nên quên rồi. Đến năm 19 tuổi bà đã về lại Việt Nam. Trước khi về bà

đã được lên nhà sư ông ở Chợ Cây Táo tại Nam Vang chơi mấy bữa rồi về Việt Nam luôn đến bây giờ chưa từng quay lại.

Khi chúng tôi hỏi về thân thế của sư ông, bà Út Mạn đã kể:

– Sư ông là người Tàu lai Miên. Cha của sư ông là người Tàu, ở đó mọi người gọi là ông cố. Mẹ của sư ông người Miên, đẹp người lắm, được mọi người gọi là bà cố. Sư ông có nhiều vợ, bà Cả không có con. Cậu Tư và cậu Năm con của sư ông hiện còn sống ở Thành phố Hồ Chí Minh, tại đường Hậu Giang, quận 6.

Lúc đó dựng Năm đã vui miệng kể lại một tình duyên:

– Bên xã Tân Hội Đông hồi đó có cô con gái ông xã trưởng bị đau mà không ai chữa khỏi. Khi ông xã trưởng đưa con qua nhờ sư ông chữa, ông đã nói là nếu chữa khỏi thì ông gả cô đó cho sư ông luôn. Sau chữa lành, họ cưới nhau rồi sanh ra cậu Tư, cậu Năm.

Chúng tôi lại hỏi là sư ông mất khi nào, bà Út và mọi người đều đáp:

– Mất ngày 25 tháng 3 âm lịch.

– Năm nào vậy?

Bà Út nói:

– Hình như năm 1950. Hồi đó, sư ông xách hai thùng nước để hai bên rồi nằm mà mất, trước khi mất đã dặn đừng đập nắp hòm. Mọi người làm theo lời, hôm sau lại xem thì **sư ông đã đi đâu mất**. (*Lưu ý câu nói này của bà Út.*)

Vùng Phú Mỹ này, như đã nói nó vốn là cửa ngõ của Đồng Tháp Mười, nên thời Pháp và Mỹ đều bị chiến tranh ác liệt. Ngày xưa, để khủng bố tinh thần đồng bào Việt Nam ở đây và quân Việt Minh đang hoạt động trong Đồng Tháp Mười, quân Pháp đã từng chặt đầu hàng trăm người chống Pháp đem cắm dọc bờ sông Nguyễn Văn Tiếp, có khi còn bắt những người đi ngang qua phải chia nhau mua thịt người đem về nhà! Đến nay, tại đầu cầu Phú Mỹ còn có Bia Cắm Thù ghi khắc tội ác dã man của giặc đối với nhân dân Việt Nam. Trong hoàn cảnh ác liệt đó, người xứ này chỉ còn có hai lựa chọn: hoặc là theo Cao Đài để được quân đội Cao Đài che chở, hoặc là qua Miên nương dựa theo sư ông; nếu như không muốn theo Pháp hay theo Việt Minh.



Bia Cắm Thù ở đầu cầu Phú Mỹ

Lúc này, chúng tôi xin được xem tấm hình sư ông mà nghe nói là chỉ có bà Út còn giữ. Bà liền bảo con rẽ đi lấy. Dượng Năm chạy qua chạy lại mấy lần mà vẫn không tìm được hình theo lời mẹ chỉ. Cuối cùng thì cô Tư đã mang tấm hình qua, hình được bà Út bảo con cất trong tủ mà bà không nhớ.



Chân dung Lục-tà Keo – hình chụp vào năm 1953 trên một nhà bè ở Nhơn Hòa Lập (xưa thuộc Đồng Tháp, nay thuộc Long An), đầu cạo, ở trần, vận xà-rông, tay trái cầm điếu thuốc, trên đầu là mái nhà bè.

Cô Tư tháo hình ra khỏi khung cho chúng tôi xem. Trong hình là một người Tàu trung niên, mập mạp, thân sắc mạnh dạn, đang ở trần, mặc xà-rông, tay trái cầm điều thuốc đầu lọc. Tôi chỉ hình nói nhỏ với Minh Hằng:

– Tướng này không phải người tầm thường!

Tôi xin phép chụp lại hình sư ông và nhân tiện chụp cả hình bà Út. Lúc đó, chú Huệ Minh đã không quên nhắc tôi rán sửa giúp cho tấm hình sư ông được đẹp hơn. Ngồi chơi thêm một lát rồi chúng tôi cảm ơn bà Út và mọi người, chúc lành cho mọi người, sau đó đi về.

Ngày hôm sau, từ Tịnh xá Trung Tâm tôi đã khởi hành đi tìm nhà sư ông. Khi bước chân ra cổng tịnh xá mà tôi cứ băn khoăn: “Làm sao để người ta tiếp mình đây?”...

Bác lái xe ôm là người Sài Gòn nên địa danh Cầu Rờ-nôn bác biết rõ. Cầu Rờ-nôn được xây từ thời Pháp cai trị Việt Nam, nay được mang tên là Cầu Hậu Giang. Cầu Hậu Giang nằm trên đường Hậu Giang, đoạn gần Chợ Cây Gõ, từ đây qua Tịnh xá Trung Tâm – Phú Lâm và Tịnh xá Lộc Uyển không xa. Đến cầu, tôi bảo bác cho tôi xuống. Và rồi tôi đi hỏi nhà thờ sư ông theo những lời giới thiệu của bà Út Mạn và của mọi người. Tôi đi hỏi mãi, chẳng ai biết cả. Hỏi chán rồi tôi mới gọi lại cho chú Huệ Minh. Được chú mô tả chi tiết lối đi vào Nhà Lớn, mười phút sau tôi đã tìm được ngôi nhà ấy.

Vừa đến cửa nhà tôi đã thấy hình sư ông được thờ trên trang, mặt quay ra cửa chính, giống y tấm hình bà Út đang cất giữ tại Phú Mỹ. Có một thanh niên đang bận dọn dẹp, khiêng đồ đạc đi đi lại lại trước mặt tôi. Tôi lặng lẽ đứng ngay cửa ngắm hình ông cụ một lát rồi nói với anh ta:

– Sư thắp một cây nhang cho ông cụ được không?

– Dạ được.

Đáp xong, người ấy chạy đi tìm nhang. Tôi đón ba cây nhang anh ta đưa, mượn thêm cái ghế đầu, rồi bước lên ghế đứng tưởng niệm ông cụ. Khi tôi cắm nhang xong, bước xuống, người ấy hỏi:

– Sư ở đâu?

Bất giác tôi buột miệng nói:

– Ở Phú Mỹ!

Người ấy liền chạy vào gọi cha mình ra, một người rất giống ông cụ đang thờ trên trang. Chủ nhà vui vẻ chào hỏi tôi và tự nhận mình chính là cậu Năm. Thế là với tư cách “Người ở Phú Mỹ”, tôi đã được gia đình của sư ông đón tiếp niềm nở. Lần đầu tiên suốt mấy chục năm mới có một vị sư đạo Khất Sĩ của thầy Minh Đăng Quang đến nhà! Mọi người rất mừng, họ tạo cho tôi một cảm giác rất thân thiện, cứ cảm thấy như người một nhà vậy.

Ngôi nhà này mỗi bề rộng 10m, được cất vào năm 1953, vào thời điểm đó nó đúng là ngôi nhà lớn nhất ở vùng này. Ngay chính tim nhà dựng một cây cột cái bằng gỗ vuông 20cm, các cây kèo ghim vào nó trở ra bốn vách. Nhà gạch, một trệt một lầu, sàn gỗ, mái tôn, tầng trên là nơi thờ cúng. Tôi chỉ cây cột cái

duy nhất nói đùa: “Chắc ông cụ đã vô tâm rồi nên có ngại gì!”. Người chủ nhà mỉm cười và nói vài lời tự hào về ngôi nhà do cha mình cất có cây cột cái chẳng giống ai. Theo tôi biết, đây là điều cấm kỵ trong xây dựng. Hồi nào ông cụ còn kiểm soát được tình hình thì không sao, nhưng đời sau chẳng nên tiếc gì mà giữ cây cột kỳ dị đó.

Cậu Năm ngồi chơi với tôi hơn một tiếng. Mẹ cậu vừa đi mở cửa mắt về, nên nằm trong buồng ngay phía sau bàn tiếp khách nghe chúng tôi nói chuyện chứ không ra ngoài. Có lúc bà bảo con dâu ra hỏi tôi là con nhà ai ở Phú Mỹ? Cái tình của người Việt Nam là vậy đấy: một người sẽ được tiếp nhận bằng cả gia đình của người ấy. Chúng tôi đã ngồi trao đổi nhiều chuyện nhưng chuyện xưa thì không nhiều như tôi mong đợi.

Cha cậu Năm là người có tài, đào hoa, giàu có và nhiều thế lực hồi còn ở bên Miên. Mỗi khi các hoàng thân gặp cha cậu đều quỳ lạy. Năm 1970, Lonnon dựa vào thế lực của Mỹ đã đảo chánh Xi-hanuc thành công. Lúc đứng tại nhà ở Nam Vang nhìn cảnh đảo chánh, cha cậu Năm đã thốt lên rằng: “Hết thời rồi!” và dẫn hết gia đình về Việt Nam sống với cộng đồng người Hoa ở Chợ Lớn. Ông cụ cũng đã mất vào năm đó, hưởng thọ 61 tuổi (*vậy sinh năm 1910, tuổi Canh Tuất*), được an táng tại nghĩa trang Triều Châu ở bên Miên (*có lẽ mất tại Miên*). Chắc sau này cậu Năm sẽ cố gắng đưa hài cốt cha đến an táng ở rẫy theo như tâm nguyện của ông cụ trước khi mất.

Khi tôi hỏi thăm về cậu Tư thì được biết cậu đã mất vào năm 1968. Liên kết những con số vô tri 1950 – 1968 – 1970, tôi hiểu được rằng nhóm bà Út Mạn đã thường lên ngôi nhà này cúng giỗ sư ông vào trước năm 1968, lúc cậu Tư còn sống. Họ đã vui vẻ biết mấy khi kể lại với tôi và sư Hằng những lúc họ rời đồng quê lên ngôi nhà lớn ở thành phố được người Pháp gọi là Hòn ngọc Viễn Đông này. Thế nhưng ngày xưa họ đã thường đi cúng giỗ một người đang còn sống!

Cuối buổi thăm viếng hôm đó, tôi xin cậu Năm cho mình được lên lầu thấp mấy nén nhang tưởng niệm. Cậu Năm liền đưa tôi lên. Trên lầu thờ nhiều hình Phật, Bồ-tát, ông Quan Công, hình bà nội và mấy hình của cha, kể cả hình sư thúc của cậu Năm. Mặc dù thật sự ngần ngại, nhưng cuối cùng cậu Năm cũng đã cho tôi chụp lại một tấm hình của cha mình lúc vô sai. Lúc thiếu thời, trông sư ông tuấn tú, đôi mắt trong sáng, dáng đứng mảnh khảnh, có phong thái con nhà gia giáo. Chụp hình xong, tôi xin thấp nhang, cậu Năm nói khỏi thấp các bàn thờ khác, rồi cậu đốt ba nén nhang đưa cho tôi. Khi đưa nhang lên trán chuẩn bị cầu nguyện trước bàn thờ ông cụ, tôi chợt nhớ đến một điều nên hỏi:

– Cậu tên gì?

Cậu Năm không đáp. Khi tôi lặp lại câu hỏi lần thứ hai, cậu đã nói tên. Tôi lại hỏi thêm:

– Cậu bao nhiêu tuổi?

Cậu Năm liền nói tuổi...



Hình sư ông lúc vô sãi thờ tại gia đình (chắc khoảng 20 tuổi),
có mấy chỗ bị chói do mặt kính của tấm hình phản ánh sáng.

Trong lịch sử Phật giáo Khất Sĩ, ông Lục-tà Keo cũng là một nhân vật sẽ được nhắc đến. Mặc dù tôi đã tránh nói đến tên tuổi, địa chỉ thân quyến của sư ông theo như gia đình yêu cầu, nhưng tôi cũng phải mô tả chút ít về sư ông cho người đọc hình dung đại khái. Mong rằng cậu Năm và gia đình sẽ không phiền trách tôi. Tôi rất cảm kích những thịnh tình mà cậu cùng mợ và gia đình đã tiếp đãi tôi trong buổi sơ giao lần ấy. Thời gian trôi qua đã hơn nửa thế kỷ, mọi chuyện đã là dĩ vãng, và sư ông cũng đã là người thiên cổ cách đây hơn 40 năm rồi. Như tôi đã nói trước khi ra về, nếu thích thì gia đình cậu Năm có thể đến các tịnh xá của Phật giáo Khất Sĩ, đừng ngại, cứ vô tư như mọi người thôi.

Cuộc nhân thế như tuồng ảo mộng
Chuỗi thời gian tựa bóng bạch cầu¹
Đời người gấm có bao lâu
Tử sanh là một nhịp cầu phải qua!

Cái chết đã chấm dứt mọi thứ, đồng thời cái chết lại làm cho mọi thứ được phục sinh. Nhân vật Lục-tà Keo đã có hai cái chết trong một cuộc đời: một lần chết như tín đồ tưởng nhớ và một lần chết như gia đình cúng kính. Đó là con đường mà sư ông đã chọn cho cuộc đời mình, trong hoàn cảnh của ông. Sống trong thời loạn lạc, ông chỉ có thể là một người của thời đại mà thôi. Dù cho ông có ỉa ra cứt thơm hơn cứt con cây hương hay có thể dời cái chết lại đúng 20 năm sau, thì đối với đạo Bửu Sơn Kỳ Hương mà xét ông vẫn chưa phải là một Đạo sư như ngài Phật Thầy Tây An.

Còn Tổ sư Minh Đăng Quang, ngài trước sau không chết, mà sự vắng bóng của ngài chính là một thị hiện cao thượng cho chân lý Vô sanh Bất tử của bậc giải thoát đạt được. Đức Tổ sư đã đạt được những thành tựu vô cùng to lớn

¹ Bạch cầu: con ngựa tơ màu trắng, phi nhanh loáng qua ngoài cửa.

trong sự nghiệp Giáo hóa Chúng sanh của chư Phật, tức là ngài có phép Giáo hóa thần thông thật vĩ đại. Phép ấy bao gồm mọi phép, lại thêm có đạo lý, đủ trí tuệ, và tự thân thị phạm thiện hạnh nữa, nên mới đủ khả năng cảm hóa chúng sanh. Vì vậy mới nói Giáo hóa thần thông là cao nhất, trong sạch nhất, siêu việt nhất trong mọi thần thông. Thần thông là:

– Bất tư nghị danh thân, tự tại vô ngại danh thông.

(*Chẳng thể nghĩ bàn gọi là Thần, tự tại không chướng ngại gọi là Thông.*)

Nếu như một người đã không còn bị đất, nước, gió, lửa chướng ngại, nhưng còn bị vướng mắc vì những bóng hồng nào đó, hay có lúc thần có lúc không thần... thì những phép lạ của người ấy chỉ mới là thuật chứ chưa phải là thần thông chân chính. Và đây là lời Tổ sư Minh Đăng Quang dạy về phép linh, về thần thông:

“Quả linh đạo lý: tánh trí sáng suốt, ứng hóa thần thông của trí huệ Phật Thánh.

Quả linh đời sự: tâm thân tà thuật, phép tắc của thân tâm si mê ma phàm.

Người đời rất ham tà thuật của thân tâm, làm chấp tướng Phật Thánh mới có, vậy chớ ma quỷ nó chẳng có hay sao? Khó nhất pháp thần thông của trí huệ, kẻ đời quấy ma tà giả vọng, có bao giờ đắc Phật huệ mà mê?”²

Đến đây, mọi chuyện về Lục-tà Keo đã phân nào sáng tỏ trong tôi. Đồng thời, những lời tự bạch của đức Minh Đăng Quang trong bộ *Chơn Lý* xét ra là rất đúng tới từng chi tiết, tuy có phần vắn tắt quá:

“Minh Đăng Quang khát sĩ xuất gia (1944 tại Vĩnh Long) đi tu tìm học nơi hai giáo lý Đại thừa, Tiểu thừa của Miên và Việt Nam. 1946, nạn khói lửa chiến tranh danh lợi đốt phá núi rừng làm cho người tu không có chỗ ở, lại thêm nạn cướp bóc không cho kẻ sĩ hiền làm việc nuôi thân sống tạm³, Minh Đăng Quang rời khỏi xứ Cao Miên trở về Nam Việt thực hành giới luật Tăng đồ tại tỉnh Mỹ Tho cho đến năm 1948. Giáo pháp Khát Sĩ đến Sài Gòn năm 1948, ánh sáng của lá y vàng phát phơ thổi mạnh làm bật tung cánh cửa các ngôi chùa tông giáo, kêu gọi Tăng chúng tản cư khắp xứ kéo nhau quay về kỷ luật. Năm 1950, huỳnh y trở gió bay về hướng Nam Hậu Giang, nổi lên lồ nhố những núi vàng, pháp tháp. Nhất là ở tại giữa sông Cửu Long – Trung Giang, bửu tháp vượt cao hơn hết, năm 1953 Quý Ty.”⁴

Thầy của đức Minh Đăng Quang là Pháp bảo! Đạo ngài đắc cũng là Pháp bảo: bộ *Chơn Lý Đại Đồng* siêu việt mọi tư tưởng! Sự nghiệp của ngài là Tăng

² Tổ sư Minh Đăng Quang, *Bồ-tát Giáo*, Tịnh xá Ngọc Viên ấn hành, 1962.

³ Ngài có qua Miên làm việc nuôi thân sống tạm; ngài tu trong hình thức đó, như lời ông Bảy Đức đã kể.

⁴ Tổ sư Minh Đăng Quang, *Chơn Lý*, Chơn lý số 63, mục *Nguồn Khát Sĩ Nam Việt*.

đoàn Khất sĩ, mà đỉnh cao của nó là Đoàn Du Tăng Khất Sĩ được thành lập vào rằm tháng 7 năm Quý Tỵ 1953. Và hộ pháp của ngài chính là tất cả chúng sanh!

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 12/2011.
